

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2020/HC-PT

Ngày: 07 - 7 - 2020

V/v *kiếu kiện quyết định hành
chính và giải quyết khiếu nại trong
lĩnh vực quản lý đất đai..*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Võ Văn Khoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 46/2020/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2020 về khiếu kiện quyết định hành chính và giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC- ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 419/2020/QĐ- PT ngày 23 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2020/QĐ- PT ngày 25 tháng 5 năm 2020; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1129/2020/QĐ- PT ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1971; địa chỉ: số 1045/48 Đại lộ B, tổ 76, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Minh T1, Luật sư - Văn phòng Luật sư Phạm Minh T1 thuộc Đoàn Luật

sư tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ: số 31 đường N, Phường 1, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt).

- *Người bị kiện:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T;

2. Ủy ban nhân dân thành phố T;

Cùng địa chỉ: số 01 đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Ngọc Minh V1, sinh năm 1964; địa chỉ: số 1045/48 Đại lộ B, tổ 76, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Nguyễn Ngọc Minh T2, sinh năm 1966; địa chỉ: số 989 Đại lộ B, tổ 73, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Ngọc Minh T2, bà Nguyễn Ngọc Minh V1): Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1971; địa chỉ: số 1045/48 Đại lộ B, tổ 76, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 16/8/2019 tại UBND phường H, thành phố T). (có mặt).

3. Bà Nguyễn Ngọc Minh T3, sinh năm 1968 (vắng mặt);

4. Bà Nguyễn Ngọc Minh P1, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: số 989 Đại lộ B, tổ 73, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Ngọc Minh P1: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1971; địa chỉ: số 1045/48 Đại lộ B, tổ 76, khu phố 9, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2020). (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Ngọc M là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện (ông Nguyễn Ngọc M) trình bày:

Bà Nguyễn Thị N1(chết năm 2004) là mẹ ruột của ông Nguyễn Ngọc M, bà Nguyễn Ngọc Minh V1, bà Nguyễn Ngọc Minh T2, bà Nguyễn Ngọc Minh T3 và bà Nguyễn Ngọc Minh P1. Khi còn sống, bà N1 là chủ sử dụng các phần đất có tổng diện tích 5.077m², trong đó: Phần đất có diện tích 4.260m² đất lúa thuộc thửa đất 1581, 1582 tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376/ĐSQSDĐ/ĐH do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp ngày 19/6/1998; phần đất có diện tích 249,9m² và diện tích 567,1m² đất nông nghiệp thuộc thửa 369, tờ bản đồ 27 theo hồ sơ địa chính, chưa được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, nhưng có xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ ngày 04/12/2013 nằm trong phạm vi giải tỏa thực hiện dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước.

Các phần đất trên bị thu hồi bởi các Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013; Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND thành phố T; Quyết định số 2978/QĐ-UBND 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013; Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014.

Từ các quyết định thu hồi đất nêu trên, UBND thành phố T ban hành các quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông M với tổng diện tích thu hồi là 4.827,1 m² với tổng số tiền là 3.078.917.400 đồng, cụ thể: Phần đất có diện tích 4.260m² được bồi thường số tiền 2.712.003.700 đồng và diện tích 567,1 m² đất nông nghiệp thuộc thửa 369, tờ bản đồ 27 được bồi thường số tiền 366.913.700 đồng.

UBND thành phố T chỉ thu hồi diện tích đất 4.827,1 m², chưa thu hồi phần diện tích 249,9m² đất nông nghiệp thuộc thửa 369, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại phường Đ, mặc dù phần đất này cũng nằm trong khu quy hoạch thực hiện dự án và chưa được bồi thường nhưng chủ đầu tư đã san lấp thực hiện công trình.

Ngày 15/6/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3974/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện thu hồi đất. Không đồng ý với quyết định này, ngày 04/8/2017, ông M đã có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 3974/QĐ-UBND và khiếu nại đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất.

Ngày 29/12/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 7639/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M với nội dung: Bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M.

Các quyết định trên của người bị kiện ban hành chưa đúng pháp luật, việc chi trả bồi thường, hỗ trợ với tổng số tiền 3.078.917.400 đồng là quá thấp, không đủ cho gia đình ông M tạo lập phần đất khác có giá trị tương đương để sản xuất sinh sống. Ông M không biết UBND thành phố T căn cứ vào quy định nào để xác định phần đất bị thu hồi của gia đình ông M thuộc loại đất gì, vị trí nào để áp giá bồi thường. Như vậy là xâm hại quyền lợi hợp pháp của gia đình ông M.

Từ những cơ sở trên, người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc M yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1;
- Hủy Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1;
- Hủy Quyết định số 2978/QĐ-UBND 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013;

- Hủy Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014;

- Hủy Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1;

- Hủy Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1;

- Hủy Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1;

- Hủy Quyết định số 7639/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M.

- Buộc UBND thành phố T quyết định lại mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất với tổng diện tích gia đình bà N1 đã bị quy hoạch sử dụng làm đất dự án là 5.077m² theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và theo giá hiện hành.

Tại Công văn số 1937/UBND-NC ngày 28/8/2019, người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T (ông Nguyễn Trọng X) trình bày:

Bà Nguyễn Thị N1 là chủ sử dụng khu đất diện tích 4.317,4m² (57,4m² đất thổ cư; 4.260m² đất lúa) được UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376/ĐSQSDĐ/ĐH ngày 19/6/1998 và khu đất diện tích 567,1m² đất nông nghiệp theo hồ sơ địa chính có xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ ngày 04/12/2013 tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Phần diện tích 4.260m² đất lúa thuộc thửa đất 1581, 1582, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376/ĐSQSDĐ/ĐH ngày 19/6/1998 do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị N1 và phần diện tích 567,1m² đất nông nghiệp thuộc thửa 369, tờ bản đồ 27 theo hồ sơ địa chính có xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ ngày 04/12/2013 nằm trong phạm vi giải tỏa thực hiện dự án: Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước (Phần diện tích 57,4m² đất thổ cư không nằm trong phạm vi giải tỏa).

- Quá trình lập hồ sơ bồi thường:

Dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2012; phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất (điều chỉnh, bổ sung) tại Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 06/9/2012; phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 11/3/2013.

Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ; UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2221/QĐ-UBND ngày 27/6/2013

về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Nhận thấy theo Biên bản kiểm kê hiện trạng số 37/BBKK-KQHVBV ngày 11/12/2012, 37BS/BBKK-KQHVBV ngày 16/12/2013 do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T lập cho bà Nguyễn Thị N1(chết) - đại diện là bà Nguyễn Ngọc Minh V1, tổng diện tích đất 4.827, 1 m² (4.260m² đất lúa thuộc thửa đất 1581, 1582, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376/ĐSQSDĐ/ĐH ngày 19/6/1998 do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị N1; 567, 1m² đất nông nghiệp thuộc thửa 369, tờ bản đồ 27 theo hồ sơ địa chính có xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ ngày 04/12/2013). Toàn bộ phần diện tích đất này nằm trong phạm vi ranh giải tỏa dự án đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 574/QĐ- UBND ngày 11/3/2013 và phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2012; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T đã tổ chức đo đạc, kiểm kê lập hồ sơ thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1 đúng với phạm vi giải tỏa thực hiện dự án. Do vậy, việc UBND thành phố T ban hành các quyết định thu hồi đất nêu trên để thực hiện dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ là phù hợp với quy định tại Quyết định số 87/2009/QĐ-UBND ngày 21/12/2009 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định về chính sách, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Việc UBND thành phố T ban hành các quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ là đúng với đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất đã được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt tại Quyết định số 2452/QĐ-UBND ngày 06/9/2012 về việc phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất (điều chỉnh, bổ sung) để thực hiện Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước; Quyết định số 2221/QĐ- UBND ngày 27/6/2013 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước.

Qua kết quả thẩm tra, soát xét toàn bộ hồ sơ có liên quan, UBND thành phố T nhận thấy trình tự thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1(chết) - đại diện là bà Nguyễn Ngọc Minh V1 đã thực hiện đầy đủ và các cơ quan có thẩm quyền đã nhiều lần tổ chức làm việc, vận động nhưng các ông (bà) là những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 vẫn không đồng ý nhận tiền và không chấp hành giải tỏa bàn giao mặt bằng. Để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án, việc Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 về việc cưỡng chế thực hiện thu hồi đất đối với các ông (bà) là những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N1(chết) tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương để thực hiện dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước là phù hợp

quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định về chính sách, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình khiếu nại đối với Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T, ông Nguyễn Ngọc M không cung cấp được chứng cứ, tình tiết mới so với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố T nên việc Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 7639/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M (đại diện theo ủy quyền của những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N1) là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xem xét bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Ngọc Minh T2, bà Nguyễn Ngọc Minh V1) có ông Nguyễn Ngọc M trình bày:

Bà Nguyễn Ngọc Minh T2, bà Nguyễn Ngọc Minh V1 thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Ngọc Minh T3, bà Nguyễn Ngọc Minh P1):

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính để người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Tâm, bà Phương) thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình nhưng bà T3, bà P1 cố tình vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các đương sự.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2018/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định: Số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1 tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1 tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương; Số 2978/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013; Số 2979/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị xã T và yêu cầu hủy Quyết định số 7639/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M.

Đình chỉ yêu cầu buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất với tổng diện tích là 5.077 m² theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và theo giá hiện hành.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 218/2019/HC-ST ngày 06 tháng 05 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Hủy toàn bộ Bản án số 12/2018/HC-ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã xét xử vụ án hành chính về việc Khiếu kiện quyết định hành chính về việc cưỡng chế thu hồi đất và giải quyết khiếu nại giữa người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc M kiện người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T và những người có liên quan khác;

Chuyển hồ sơ vụ án nêu trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục chung.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M về việc huỷ các Quyết định số 3881/QĐ-UBND) ngày 10/10/2013 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 2978/QĐ-UBND 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013; Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014; Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 7639/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M; và yêu cầu Buộc UBND thành phố T quyết định lại mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất với tổng diện tích gia đình bà N1 đã bị quy hoạch sử dụng làm đất dự án là 5.077m² theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và theo giá hiện hành.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/12/2019 ông Nguyễn Ngọc M kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm vì trình tự, thủ tục ban hành Quyết định thu hồi đất, phê duyệt đơn giá bồi hoàn thiệt hại về đất không đúng quy định dẫn đến việc áp giá bồi hoàn không

có cơ sở, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Ngọc M vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M trình bày:

Theo sơ đồ đất tại Bút lục 407 thì khi thu hồi đất, đất của ông M nằm trong khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ nhưng thực tế phần đất của ông M bị thu hồi không sử dụng đúng mục đích mà sử dụng làm nền biệt thự. Đất thu hồi sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét việc áp giá bồi thường mà trước đây Tòa án nhân dân cấp cao đã hủy án. Việc phê duyệt giá trước khi đền bù. Thu hồi đất trước rồi mới áp giá đền bù, làm quy trình ngược. Người bị kiện áp đặt giá nên gây bức xúc cho người dân. Việc thu hồi đất áp giá đền bù không đúng, mặc dù có điều chỉnh giá nhưng cũng không hợp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M, hủy các quyết định thu hồi đất.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc M:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Đơn kháng cáo của ông M trong hạn, hợp lệ về mặt hình thức.

Theo đơn xác nhận của UBND phường Đ thì 249,9 m² là đường chung. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm, ông M trình bày đất của ông bà để lại làm đường đi chung cho bà con. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông M yêu cầu bồi thường phần đất này là không có căn cứ chấp nhận.

Về giá bồi thường: Phương án bồi thường dự án công trình Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ được thực hiện phê duyệt từ năm 2012. Ông M yêu cầu bồi thường về giá năm 2016 là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát

nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:

Ông Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu huỷ các Quyết định số 3881/QĐ-UBND) ngày 10/10/2013 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 2978/QĐ-UBND 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013; Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014; Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 7639/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M; và yêu cầu buộc UBND thành phố T quyết định lại mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất với tổng diện tích gia đình bà N1 đã bị quy hoạch sử dụng làm đất dự án là 5.077m² theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và theo giá hiện hành, thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc M:

[2.1] Bà Nguyễn Thị N1 là chủ sử dụng khu đất diện tích 4.317,4m² (57,4m² đất thổ cư; 4.260m² đất lúa) được UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376/ĐSQSDĐ/ĐH ngày 19/6/1998 và khu đất diện tích 567,1 m² đất nông nghiệp theo hồ sơ địa chính có xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ ngày 04/12/2013 tại phường Đ, thành phố T.

[2.2] Dự án công trình Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ với tổng diện tích 81,3ha, trong đó có phần diện tích đất của bà Nguyễn Thị N1, cụ thể: Phần diện tích 4.260m² đất lúa thuộc thửa đất 1581, 1582, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376/ĐSQSDĐ/ĐH ngày 19/6/1998 do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị N1 và phần diện tích 567,1m² đất nông nghiệp thuộc thửa 369, tờ bản đồ 27 theo hồ sơ địa chính có xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ ngày 04/12/2013 nằm trong phạm vi giải tỏa thực hiện dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước (Phần diện tích 57,4m² đất thổ cư không nằm trong phạm vi giải tỏa).

[2.3] Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND thành phố T và Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1 được ban hành đúng quy định tại khoản 1 Điều 38, khoản 2 Điều 44 Luật đất đai năm 2003 và Điều 31 Nghị định 39/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Ông Nguyễn Ngọc M cho rằng UBND thành phố T chỉ thu hồi diện tích đất 4.827,1m², chưa thu hồi phần diện tích 249,9m² đất nông nghiệp thuộc thửa 369, tờ bản đồ 27 tọa lạc tại phường Đ, mặc dù phần đất này cũng nằm trong khu quy hoạch thực hiện dự án và chưa được bồi thường nhưng chủ đầu tư đã san lấp thực hiện công trình là không có cơ sở vì: Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng số 37/BBKK-KQHBV ngày 11/12/2012, 37BS/BBKX-KQHBV ngày 16/12/2013 do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T lập cho bà Nguyễn Thị N1 (chết) - đại diện là bà Nguyễn Ngọc Minh V1, tổng diện tích đất 4.827,1m² (4.260m² đất lúa thuộc thửa đất 1581, 1582, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376/ĐSQSDĐ/ĐH ngày 19/6/1998 do UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp cho bà Nguyễn Thị N1; 567,1m² đất nông nghiệp thuộc thửa 369, tờ bản đồ 27 có xác nhận nguồn gốc đất của UBND phường Đ ngày 04/12/2013). Không có phần diện tích 249,9m² đất nông nghiệp như ông M trình bày.

Mặt khác, theo Đơn xin xác nhận nguồn gốc đất của bà Nguyễn Ngọc Minh V1 ngày 23/6/2017 được UBND phường Đ xác nhận với nội dung: “*Theo bản đồ địa chính lưu tại phường năm 1996 thì hướng Bắc thửa đất 369 TBĐ 27 là giáp đường đất 4m có diện tích là 249,9m². Hiện không tranh chấp, kính chuyển cấp trên xem xét*”. Ông M cho rằng phần đất này là của gia đình ông nhưng không cung cấp được hồ sơ, các giấy tờ chứng minh nguồn gốc cũng như quá trình quản lý, sử dụng đối với phần diện tích 249,9m² của gia đình ông M. Do đó, việc UBND thành phố T thu hồi diện tích đất 4.827,1m² là đúng quy định.

Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 và Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/06/2014 của UBND thành phố T về thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1: Các quyết định do phó Chủ tịch UBND ký thay Chủ tịch UBND thành phố T, nội dung thu hồi diện tích đất 4.827,1 m² đối với 2 phần đất của bà Nguyễn Thị N1, quyết định ban hành đúng căn cứ, đúng đối tượng, đúng thẩm quyền, người khởi kiện đồng thuận với chủ trương thực hiện Dự án nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định là có căn cứ.

[2.4] Quyết định số 2978/QĐ-UBND 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 và Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014:

UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 và Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1, do bà N1 đã chết năm 2004, các con của bà N1 là những người thừa kế quyền sử dụng đất của bà N1 theo quy định pháp luật, nên

UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2978/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 và Quyết định số 2979/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014, nội dung điều chỉnh từ thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1 thành thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1 (đã chết). Ngoài ra, các nội dung khác của quyết định không thay đổi. Quyết định số 2978/QĐ-UBND và Quyết định số 2979/QĐ-UBND được ban hành đúng căn cứ, đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy quyết định là có căn cứ.

[2.5] Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 và Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1:

Công trình Quy hoạch xây dựng khu thương mại, dịch vụ, dân cư Định Hòa được UBND tỉnh Bình Dương ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại Quyết định số 32/2007/QĐ-UBND ngày 29/3/2007 và được điều chỉnh bổ sung tại các Quyết định số 95/2007/QĐ-UBND ngày 24/8/2007, Quyết định số 110/2007/QĐ-UBND ngày 16/10/2007, Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 04/5/2010.

Ngày 17/11/2011, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Công văn số 3457/UBND-KTTH thu hồi chủ trương quy hoạch Khu Thương mại Dịch vụ Dân cư Định Hòa. Sau đó, dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt phương án sử dụng đất tại Quyết định số 423/QĐ-UBND ngày 17/02/2012.

Ngày 06/9/2012, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 2452/QĐ-UBND về việc phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất (điều chỉnh, bổ sung) để thực hiện Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ, trong đó: về đất: Thống nhất hỗ trợ lãi suất tiền gửi ngân hàng và chỉ số trượt giá (tính từ tháng 5/2011 đến tháng 10/2012 là 31,32%) cho những hộ dân chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với đất nông nghiệp: cách hành lang bảo vệ đường bộ trong phạm vi 50m là 647.000 đ/m²; cách hành lang bảo vệ đường bộ từ 50m đến 100 m là 578.000 đồng/m².

Ngày 11/3/2013, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 574/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ.

Trên cơ sở đó, ngày 27/6/2013, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2221/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước, phường Đ, cụ thể:

Về đơn giá bồi thường đất thuộc đường giao thông nông thôn và đường bờ suối suối Cát: Đơn giá bồi thường đất nông nghiệp đối với vị trí đất cách hành lang bảo vệ đường bộ và bờ suối Cát trong phạm vi 50m là 647.000 đ/m²; Đơn giá bồi thường đất nông nghiệp đối với vị trí đất cách hành lang đường bộ và bờ suối Cát trong phạm vi trên 50 m là 578.000 đồng/m².

Theo Biên bản kiểm kê hiện trạng số 37/BBKK-KQHB 11/12/2012, 37BS/BBKK-KQHVBV ngày 16/12/2013 do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố lập cho bà Nguyễn Thị N1(chết) - đại diện là bà Nguyễn Ngọc Minh V1, tổng diện tích đất 4.827,1m², trong đó: Theo Sơ đồ thu hồi đất do Trung tâm phát triển quỹ đất lập ngày 11/12/2012 thì phần đất có diện tích 4.260m² được phân vị trí theo đường giao thông nông thôn như sau: Vị trí đất cách đường bờ suối trong phạm vi 50m là 3.287,3m² (LUA) và vị trí đất cách đường bờ suối trên 50m là 972,7m². Theo Sơ đồ thu hồi đất (bổ sung) do Trung tâm phát triển quỹ đất lập thì phần đất có diện tích 567,1m² được phân vị trí theo đường giao thông nông thôn như sau: Vị trí đất cách đường bờ suối trong phạm vi 50m là 567,1m².

Như vậy, UBND thành phố T ban hành Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 và Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1 là đúng quy định pháp luật.

Các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án; quyết định kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Nguyễn Thị N1 đều được UBND phường Đ phối hợp cùng Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T niêm yết công khai tại trụ sở UBND phường Đ theo đúng quy định pháp luật. Ông Nguyễn Ngọc M thừa nhận đã nhận được các quyết định này.

Ngày 13/5/2015 và ngày 28/5/2015, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường Định Hoà, UBND phường Định Hoà, Ban điều hành khu phố tổ chức làm việc, vận động bà Nguyễn Ngọc Minh V1 (đại diện thừa kế của bà Nguyễn Thị N1) nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Ngọc Minh V1 không đồng ý nhận tiền, không bàn giao mặt bằng để thực hiện công trình.

Ngày 28/4/2016, UBND thành phố T ban hành Thông báo số 193/TB-UBND về việc nhận tiền bồi thường và giải toả bàn giao mặt bằng để triển khai công trình đối với các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị N1.

Ngày 11/10/2016, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố T phối hợp với UBND phường Đ tiến hành làm việc, vận động các thừa kế của bà Nguyễn Thị N1 nhận tiền bồi thường dự án Khu quy hoạch xây dựng các bệnh viện và một số công trình Nhà nước tại phường Đ. Các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị N1 không đồng ý nhận tiền bồi thường.

Như vậy, các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị N1 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền vận động nhận tiền bồi thường nhiều lần nhưng không nhận, vì vậy, việc bồi thường chậm này là do người bị thu hồi đất gây ra. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định về trường hợp bồi thường chậm như sau:

“2. Trường hợp thực hiện bồi thường chậm được quy định như sau:

b) Bồi thường chậm do người bị thu hồi đất gây ra, nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi".

Do vậy, UBND thành phố T áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất cho bà Nguyễn Thị N1 đúng theo quy định, việc ông Nguyễn Ngọc M yêu cầu bồi thường theo giá đất hiện hành là không có cơ sở chấp nhận.

[2.6] *Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T:*

Sau nhiều lần tổ chức làm việc, vận động nhưng các ông (bà) là những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 vẫn không đồng ý nhận tiền và không chấp hành giải tỏa bàn giao mặt bằng. Ngày 15/6/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 3974/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định thu hồi đất. Ngày 16/6/2017, UBND phường Đ phối hợp cùng các ngành chức năng tiến hành họp dân thông báo việc cưỡng chế thu hồi đất đối với các hộ dân. Ngày 23/6/2017, UBND phường Đ tiến hành mời những người thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị N1 để công bố và giao Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T

Ngày 29/6/2017, UBND thành phố T đã chỉ đạo các ngành chức năng tổ chức tiến hành cưỡng chế thu hồi đất.

Ngày 23/6/2017, ông M nhận được Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017, ngày 29/6/2017 các cơ quan chức năng đã tiến hành cưỡng chế thu hồi đất là vi phạm Điều 32 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ. Tuy việc cưỡng chế thu hồi đất không đúng thời hạn quy định, ngày 29/6/2017, UBND thành phố đã chỉ đạo các ngành chức năng tổ chức tiến hành cưỡng chế thu hồi đất, nhưng sau khi cưỡng chế xong đến ngày 04/8/2017 ông Nguyễn Ngọc M mới làm đơn khiếu nại gửi đến UBND thành phố T khiếu nại quyết định cưỡng chế nêu trên.

Gia đình ông M đồng thuận chủ trương nhưng không giao đất để thực hiện Dự án đúng tiến độ nên Chủ tịch UBND thành phố ban hành quyết định cưỡng chế là đúng quy định, Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông M là đúng.

[2.7] *Quyết định số 7639/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu:*

Ngày 29/12/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 7639/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M là đúng quy định tại Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31, 32 Luật Khiếu nại năm 2011.

Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định thu hồi đất đúng quy định nên Quyết định số 7639/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND

thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M, bác yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M là đúng quy định pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đề nghị.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông M không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông M phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc M. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương .

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M về việc huỷ các Quyết định số 3881/QĐ-UBND) ngày 10/10/2013 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 2978/QĐ-UBND 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 10/10/2013; Quyết định số 2979/QĐ-UBND ngày 03/4/2017 của UBND thành phố T về việc điều chỉnh Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 24/6/2014; Quyết định số 4887/QĐ-UBND ngày 19/11/2013 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 3507/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 3974/QĐ-UBND ngày 15/6/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thực hiện các quyết định thu hồi đất của bà Nguyễn Thị N1; Quyết định số 7639/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc M; và yêu cầu Buộc UBND thành phố T quyết định lại mức bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất với tổng diện tích gia đình bà N1 đã bị quy hoạch sử dụng làm đất dự án là 5.077m² theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và theo giá hiện hành.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010927 ngày 26/02/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc M phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0027204 ngày 09/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Đường sự;
- Lưu – (Án - Trú).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương